

ĐỀ CƯƠNG TAM NÔNG

Câu 1: Các k/n, vị trí, vai trò nhà nước, xu hướng vận động của phát triển NN, NT, ND

Những khái niệm cơ bản:

- **Nông nghiệp:** là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp là một ngành sản xuất lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản; theo nghĩa rộng, còn bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản. (Từ điển BKTT)

- **Nông thôn** là khái niệm dùng để chỉ một địa bàn mà ở đó sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Nông thôn có thể được xem xét trên nhiều góc độ: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... Kinh tế nông thôn là một khu vực của nền kinh tế gắn liền với địa bàn nông thôn. Kinh tế nông thôn vừa mang những đặc trưng chung của nền kinh tế về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về cơ chế kinh tế... vừa có những đặc điểm riêng gắn liền với nông nghiệp, nông thôn.

- **Nông dân** là những người lao động cư trú ở nông thôn, tham gia sản xuất nông nghiệp. Nông dân sống chủ yếu bằng ruộng vườn, sau đó đến các ngành nghề mà tư liệu sản xuất chính là đất đai. Tùy từng quốc gia, từng thời kì lịch sử, người nông dân có quyền sở hữu khác nhau về ruộng đất. Họ hình thành nên giai cấp nông dân, có vị trí, vai trò nhất định trong xã hội.

Vai trò của nông nghiệp, nông thôn, nông dân

- Nông nghiệp, ND, NT là một trong những cơ sở của đời sống kinh tế - Xh của đất nước trong quá trình cách mạng

Vì nước ta là một nước NN; dân số đa phần là nông dân, nông thôn; tam nông cung cấp (sx) lương thực, thực phẩm chủ yếu cho XH; tam nông là thị trường rộng lớn của kinh tế quốc dân

- Nông nghiệp, ND, NT là một trong những nội dung trọng yếu và cơ bản của công cuộc cách mạng XHCN. Vì

Tam nông là một trong những động lực và mục tiêu của cuộc cách mạng; tam nông là trận địa cuối cùng của cách mạng XHCN.

Quan hệ giữa tam nông

- Nông nghiệp là một trong những cơ sở của nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt, NN là cơ sở kinh tế của khu vực nông thôn và nông dân

- NT là cộng đồng dân cư nông nghiệp đông đảo
- ND là chủ thể của NN, NT
- Vì vậy tam nông là 3 thực thể gắn liền với nhau

Những đặc điểm mới của NN, NT

- NN, NT đang trong quá trình chuyển sang các quan hệ giá trị, quan hệ tt. Kết cấu kte-XH truyền thống đang dần bị phá vỡ và từng bước hình thành thể chế KTTT
- NN, NT đang trong quá trình phát triển gắn với xu hướng mở cửa và hội nhập KTQT
- NN, NT đang trong quá trình phát triển gắn liền với quá trình xd nông thôn mới
- NN, NT đang trong quá trình phát triển kinh tế bền vững

Vị trí, vai trò của nông dân trong phát triển kte, xã hội ở NT

Đặc điểm của nông dân

- ND là lực lượng lao động xh đông đảo ở khu vực NN, NT. Cơ sở kinh tế của họ là đất đai
- Cơ sở xh của ND là các cộng đồng dân cư có quan hệ họ hàng, cộng đồng láng giềng\
- ND là một lực lượng chính trị - xh đông đảo nhưng họ chưa bao giờ đại diện cho một phương thức sản xuất xh

Vai trò của ND

- ND là lực lượng lao động sx đông đảo trong xh
- ND là một lực lượng chính trị và là đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân trong công cuộc cách mạng XHCN

Những vấn đề chủ yếu của ND

- Giải quyết vấn đề ruộng đất cho ND
- Vấn đề tích tụ và tập trung ruộng đất
- Vấn đề phát triển các hình thức sản xuất kinh doanh ở nông thôn: Kte trang trại, Kte HTX, liên kết 4 nhà.
- ND là nhóm xh dễ bị tổn thương trước những biến động kte, xã hội và môi trường

Vai trò Nhà nước trong phát triển NN, NT và nâng cao vị thế của ND

- 1, Tạo lập mt phát triển : *Môi trường và thể chế bao gồm hành lang pháp lí và những cơ chế chính sách của nhà nước đối với tam nông*

- 2, Định hướng và điều tiết của nhà nước : *Điều đó được thể hiện thông qua việc xây dựng chiến lược, chương trình và mục tiêu phát triển đối với NN, NT hướng tới cải thiện đời sống người ND*

- 3, Bảo vệ, hỗ trợ phát triển cho khu vực NN, NT và người ND:

+ *Bảo vệ các nguồn lực và môi trường cho phát triển cũng như các lợi ích của NN, NT, ND*

+ *Hỗ trợ cho phát triển tam nông (về tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, thị trường, đào tạo nguồn nhân lực)*

-4, Vai trò kiểm tra, kiểm soát:

+ *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống PL, cơ chế và chính sách*

+ *Nâng cao hiệu quả của các cơ quan chức năng*

+ *Phát huy dân chủ ở cơ sở , kiện toàn hệ thống chính trị*

Xu hướng phát triển NN, NT, ND

-1, Bối cảnh: Kinh tế thị trường, Toàn cầu hóa dẫn tới sự phụ thuộc giữa các nước ngày một tăng, vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng ở mỗi nước. Trong số đó có lưu thông quốc tế ngày càng tăng đối với hàng hoá, tiền tệ, thông tin và người; cùng với việc phát triển các công nghệ, tổ chức, hệ thống luật lệ và cơ sở hạ tầng cho việc lưu thông này. Biểu hiện nổi trội là giảm hoặc bỏ hẳn các loại thuế quan; xây dựng các khu mậu dịch tự do với thuế quan thấp hoặc không có; gia tăng di cư

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dân số tăng, cách mạng 4.0,...

2, Xu hướng chuyển đổi từ nền kinh tế tự nhiên sang kinh tế thị trường

- Đây là xu hướng, quy luật chung của sự phát triển

Từ nền nông nghiệp nguyên thủy → nền nông nghiệp tự nhiên → Nông nghiệp hàng hóa → Kinh tế thị trường

- Sau mỗi cuộc phân công lao động, nền sản xuất xã hội lại được chia tách ra thành nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau: chăn nuôi tách khỏi trồng trọt, thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp,...

→ Lao động được chuyên môn hóa.

- Càng ngày nông nghiệp càng cần đến những tư liệu sản xuất công nghiệp hơn, còn những tư liệu sản xuất do sức lực và thô sơ lại giảm đi. Điều này chứng tỏ nông nghiệp

cần hàng hóa của ngành kinh tế khác, và do vậy, cũng cần sản xuất ra sản phẩm hàng hóa để đổi lấy tiền, rồi dùng tiền này mua hàng hóa, sản phẩm của những ngành kinh tế khác.

→ Nền kinh tế nông nghiệp tự cấp, tự túc vốn không có mua bán, trao đổi hàng hoá, nếu còn tồn tại trong thời đại hiện nay là một phi lý; vì thế, nó phải được chuyển lên sản xuất hàng hóa, và việc chuyển này mang tính tất yếu, hợp quy luật.

- Để chuyển kinh tế nông nghiệp từ tự cấp, tự túc lên sản xuất hàng hoá, cần có những điều kiện cơ bản (phân công lao động xã hội; thị trường; năng lực tổ chức và quản lý sản xuất, tài chính; tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ...). Song, vấn đề đặt ra là, những yếu tố ấy không tự xuất hiện. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất mới làm cho sản xuất phát triển. Sản xuất phát triển mới dẫn đến phân công lao động xã hội và đòi hỏi ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào sản xuất. Sản xuất phát triển mới làm ra nhiều của cải vật chất dư thừa để đem bán, trao đổi ngoài phân phục vụ nhu cầu trực tiếp của người sản xuất. Do vậy, thị trường ra đời. Bởi vậy, cần đặc biệt chú ý phát triển lực lượng sản xuất trong kinh tế nông nghiệp

3, Xu hướng mở cửa, hội nhập quốc tế

- Đây là xu hướng, quy luật chung nên nông nghiệp, nông dân và nông thôn cũng không nằm ngoài quá trình trên

Nhiều nước đã tăng cường xuất khẩu các sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh, đồng thời nhập khẩu những nông sản chưa có thế mạnh. (Phải kể đến là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật, Ấn Độ, Thái Lan... và cả Việt Nam. Hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất nông sản trong nước, cải thiện đời sống, tăng phúc lợi cho người tiêu dùng và phát triển mối quan hệ đa phương, hiệu quả với nhiều quốc gia trên thế giới.

- Quá trình hội nhập đã tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN), nâng cao năng suất chất lượng, khả năng cạnh tranh nông, lâm, thủy sản và tăng cường hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm

- Cạnh tranh thị trường ngày càng quyết liệt:

+ Hàng hóa nước ngoài tràn vào thị trường trong nước

+ Hàng hóa nông sản cạnh tranh với thị trường nước ngoài. Lấy ví dụ về gạo Thái Lan, hoa quả Trung Quốc, thực phẩm Nhật và Mỹ luôn được ưa chuộng hơn mặt hàng của các nước.

→ Các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các vụ kiện chống trợ cấp, chống bán phá giá và tranh chấp thương mại

+ Thương mại và đầu tư quốc tế trong khu vực nông nghiệp ngày càng gia tăng.

4, Xu hướng phát triển bền vững

Khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững: nông nghiệp bền vững là nền nông nghiệp thoả mãn được các yêu cầu của thế hệ hiện nay, mà không giảm khả năng ấy đối với các thế hệ mai sau.

Xây dựng nền nông nghiệp bền vững là việc làm cấp thiết và là xu hướng tất yếu của tiến trình phát triển.

Nông nghiệp hữu cơ đang là xu hướng trên thế giới. Theo tổ chức Nông nghiệp Hữu cơ Quốc tế (IFOAM): Nông nghiệp hữu cơ là hệ thống đồng bộ hướng tới thực hiện các quá trình với kết quả bảo đảm hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn, dinh dưỡng tốt, nhân đạo với động vật và công bằng xã hội, không sử dụng các hóa chất nông nghiệp tổng hợp và các chất sinh trưởng phi hữu cơ, tạo điều kiện cho sự chuyển hóa khép kín trong hệ canh tác, chỉ được sử dụng các nguồn hiện có trong nông trại và các vật tư theo tiêu chuẩn của quy trình sản xuất.

Dưới đây là một số xu hướng khác về nông nghiệp bền vững:

- hạn chế mở rộng đất NN
- bảo tồn đa dạng sinh học
- giảm khí nhà kính
- bảo tồn nguồn nước
- bảo vệ đất

5, Xu hướng nông nghiệp thông minh

Nông nghiệp thông minh trên thế giới làm biến đổi nền nông nghiệp thế giới sâu sắc nông nghiệp 1.0, 2.0, 3.0 hiện nay 4.0

6, Liên hệ Việt Nam

- Nông thôn mới
- nông nghiệp công nghệ cao
- ng nd là nòng cốt
- đẩy mạnh liên kết 4 nhà
- phát triển nn hữu cơ

Câu 2, Các lý thuyết phát triển tam nông

1, lý thuyết trọng nông

thời gian xh: cuối tk 17 kéo dài đến nửa đầu thế kỷ 18

địa điểm: chủ yếu ở pháp

đây là thời kỳ cmcn của cn tư bản ở tây âu

thời kỳ quá độ từ xh phong kiến sang xh tư bản cn ở tây âu

NỘI DUNG:

-coi trọng nn, đề cao nn, coi nn là nguồn gốc của của cải và giàu có

-f,quesney tuyên bố: “ chỉ có của cải dân cư ở nông thôn mới đẻ ra của cải quốc gia” “ nd giàu thì xứ xở giàu, nông dân nghèo thì xứ xở nghèo”

-trường phái này đề cao chế độ tư hữu của người tiểu nông và tự do ctranh

-họ cho rằng đất đai nn là nguồn gốc của cuaur cải quốc gia, chỉ có lđ trong nn mới là lđsx còn lao động trong các ngành khác kkhoong phải lđsx

-từ đó họ cho rằng nhà nước quốc gia cần phải có các chính sách bảo vệ khuyến khích và tạo môi trường phát triển ngành nn

-phái trọng nông còn biện dẫn lịch sử để chứng minh quan điểm của mình, cho rằng phải tổ chức nn theo kiểu kinh doanh trang trại tư bản cn thì mới có lợi.

Ý NGHĨA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN:

Lý luận:

- trường phái đã đi sâu tìm ehieeru nguồn gốc của của cải, và sự giàu có trong lĩnh vực sản xuất, khai thác các nguồn lực từ yếu tố sx là lđ và đất đai trong dân cư nn, nt. đây là cơ sở cho tư duy kinh tế phát triển sau này.

-khuyến khích kt hàng hóa phát triển và tự do kinh doanh, đặt cơ sở cho tư duy kinh tế thị trường.

Thực tiễn:

-khuyến khích kinh tế thị trường pt ở pháp. thúc đẩy cn tư bản hjinhf thành và pt

-thúc đẩy nền kinh tế nông nghiệp pt theo kiểu trang trại tbcn hiệu quả cao.

2, LÝ THUYẾT CỔ ĐIỂN

tg: giữa tk 17- giữa tk 19

ddiajj biểu: w.petty, a.smith, d.ricardo(anh) và j.b.say (pháp)

đây cũng là thời kỳ phát sinh và pt của cntb ở tây âu với sự chiến thắng của cuộc cmcn và suy tàn của chế độ phong kiến

NỘI DUNG:

- ủng hộ tự do cạnh tranh trong thị trường kinh tế, tối thiểu vai trò nhà nước, nhà nước không can thiệp mà chỉ tạo môi trường cho phát triển tự do kinh doanh.

- cho rằng nguồn gốc của cải là khai thác các nguồn lực trong nền kinh tế gồm vốn (k), lao động (l), đất đai tài nguyên (n)

- các nhà kinh tế cổ điển khái quát thành hàm sản xuất cổ điển: $y=f(k,l,n) \Rightarrow w$

- các nhà cổ điển đề cao vai trò của lao động và đất đai (tài nguyên) để làm giàu cho kinh doanh và quốc gia và nông nghiệp cũng là khởi nguồn của sự giàu có.

phản đối quan điểm của chủ nghĩa trọng thương cho rằng nguồn gốc của cải giàu có là từ lưu thông thương nghiệp, xuất khẩu. nguồn gốc của cải phải là từ sản xuất.

W.PETTY: quan điểm nổi tiếng: lao động là cha còn đất đai là mẹ của của cải vật chất $\Rightarrow$ đề cao khai thác nguồn lực đất đai và lao động để làm giàu, ở nước anh lúc ấy chủ yếu là nông nghiệp.

A.SMITH: cho rằng cả lao động, địa chủ và tư bản đều quan trọng ngang nhau trong khai thác đất tạo ra của cải, lao động hưởng tiền công, tư bản hưởng lợi nhuận, địa chủ thu địa tô.
tổng thu nhập quốc dân $= v+p=r$

- cho rằng địa tô là đương nhiên, là khoản khấu trừ đầu tiên vào sản phẩm, thu nhập của địa chủ là từ thuế được trích khấu từ các khoản thu nhập trên.

cho rằng địa tô trên đất trồng lương thực sẽ quyết định địa tô trên các đất khác $\Rightarrow$ đề cao nông nghiệp và đất đai.

D.R: tiếp tục quan điểm của A.S có thêm vài điểm mới.

- cho rằng địa tô của địa chủ là phi lý, nếu không có địa tô thì thu nhập của địa chủ và nhà nước đều tăng

- vai trò quan trọng nhất của địa chủ trong giai đoạn đầu công nghiệp là cung cấp lương thực phẩm. khi đô thị và công nghiệp phát triển, lao động rút về đô thị mức lương bình quân sẽ tăng lên tạo ra thị trường lớn về tiêu dùng lương thực thực phẩm.

J.B.SAY: đại biểu trường phái cổ điển pháp

- ủng hộ tư tưởng về phát triển sản xuất và tự do kinh doanh cả trong lĩnh vực địa chủ, công nhân và thương mại.

-- đề cao 3 nguồn lực yếu tố sản xuất: lao động, vốn, đất, đó là 3 nguồn gốc làm giàu cho kinh doanh và quốc gia.

Ý NGHĨA

-Lý luận: ủng hộ kttt và tự do ctranh, ủng hooj chế độ tư hữu và tự do kd trong cả cn, nn, nthon ndan, đây chính là cơ sở cho lý luận kttt sau này.

-Thực tiễn: có tác động mạnh mẽ thwusc đẩy kt phát triển ở tây âu lúc bấy giờ, thúc đẩy cn hóa và sự phát triển cn tb.

3, Lí thuyết Mác- Lênin

4, Một số lí thuyết hiện đại.

2.1.1, Lý thuyết của Keynes

Lý thuyết của Keynes về sự can thiệp của nhà nước cũng đã đề cập đến vai trò của nhà nước trong thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Theo Keynes, một khi dân số nông thôn còn chiếm đa số thì hoạt động xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và đô thị, mở ra thị trường rộng lớn cho công nghiệp và kinh tế đô thị, góp phần nâng cao tổng cầu.

2.1.2, Thập niên 1950s 1960- Lý thuyết của Rostow(1960)

Năm 1960, Rostow đưa ra tư tưởng về con đường tiến từ nước kém phát triển lên nước phát triển.

2.1.2.1, Nội dung quan điểm của thuyết cất cánh

a, Giai đoạn truyền thông “ Xã hội truyền thống”

Xã hội với năng suất lao động thấp. Nông nghiệp giữ vai trò thống trị trong nền kinh tế, tích lũy kém, ảnh hưởng đến môi trường kém linh hoạt. Ông đưa ra một số nội dung cụ thể:

- Sản xuất nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, chiếm 80-90%
- Năng suất lao động thấp, công cụ thủ công lạc hậu, tích lũy gần như bằng 0
- Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào mở rộng diện tích đất canh tác.
- Hoạt động xã hội kém linh hoạt, sản xuất nông nghiệp mang nặng tính tự cung tự cấp.
- Áp dụng KH-CN còn hạn chế

=> Cơ cấu ngành: nông nghiệp thuần túy, chậm thay đổi, kém linh hoạt và người dân sử dụng phần lớn các thu nhập cho hoạt động chi phí sản xuất.

b, Giai đoạn chuẩn bị cất cánh

Trong xã hội tồn tại song song 2 khu vực:

- Đối với phân công lao động xã hội, nó đã có sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng lao động nông nghiệp chuyển dần sang khu vực công nghiệp và gắn liền với nó là quá trình đô thị hóa. Khoa học kỹ thuật được áp dụng vào nông nghiệp và công nghiệp.
- Đối với việc tích lũy vốn trong xã hội đã có sự chuyển dịch từ vai trò của tầng lớp địa chủ sang vai trò của chủ doanh nghiệp. Và việc này tăng lên rất nhiều lần.
- Trong nền kinh tế, thị trường trong nước ngày càng mở rộng để có sự phát triển về mặt ngoại thương và trong nền kinh tế đã có một số lĩnh vực công nghiệp có xu hướng hướng ngoại.
- Giáo dục bắt đầu được mở rộng và phát triển...
- Chưa vượt qua giới hạn của nền kinh tế truyền thống

⇒ Cơ cấu ngành: nông – công nghiệp

c, Giai đoạn cất cánh

- Nền kinh tế bước vào giai đoạn phát triển hiện đại và ổn định
- Những cản trở đối với sự tăng trưởng bền vững từ xã hội truyền thống đã bị đẩy lùi

⇒ Cơ cấu ngành: công nghiệp – nông nghiệp - dịch vụ

d, Giai đoạn trưởng thành

- Tỷ lệ đầu tư tăng liên tục
- Là giai đoạn tăng trưởng bền vững
- Khoa học công nghệ được sáng tạo được du nhập và áp dụng vào tất cả lĩnh vực, Lao động chuyển sang đô thị và có kỹ năng.
- Nhiều ngành công nghiệp mới, hiện đại phát triển
- Nông nghiệp được cơ giới hóa, năng suất lao động tăng cao

⇒ Cơ cấu ngành: công nghiệp- dịch vụ- nông nghiệp

e, Giai đoạn tiêu dùng cao

- Thu nhập bình quân đầu người tăng => gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ chất lượng cao
- Cơ cấu lao động thay đổi

⇒ Cơ cấu ngành: dịch vụ - công nghiệp

2.1.2.2, Ưu, nhược điểm của lý thuyết

a, Ưu điểm, sự tiến bộ của mô hình

- Chỉ ra sự lựa chọn hợp lý đa dạng cơ cấu ngành tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển của mỗi quốc gia
- Xét trên góc độ mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu với quá trình phát triển

b, Nhược điểm

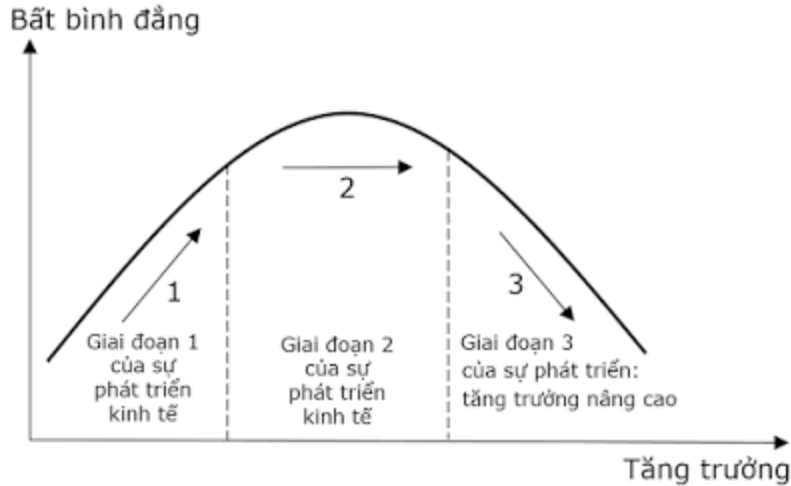
- Tăng trưởng là một quá trình liên tục chứ không phải đứt đoạn nên khó có thể phân chia thành những giai đoạn với những khoảng thời gian khá chính xác như vậy.
- Sự tăng trưởng và phát triển ở một số nước không nhất thiết phải giống như trên chia tách thành 5 giai đoạn.
- Cách tiếp cận không lấy tính đặc thù của mỗi nước làm điểm xuất phát
- Lí thuyết của Rostow chỉ nghiên cứu sự tăng trưởng chứ chưa đi sâu phân tích phát triển kinh tế, chưa chú ý đến quan hệ chính trị- xã hội giữa các nước phát triển chậm
- Lý thuyết này không ý thức được các vai trò thay thế cho khu vực nông thôn trong quá trình phát triển.

2.1.3, Thập niên 1960s– cuộc “cách mạng xanh”

Thập kỉ 1960s với cuộc “ Cách mạng xanh” trong lĩnh vực nông nghiệp ở các nước đang phát triển đã mở ra khả năng mới về phát triển ở các nước vốn là nông nghiệp. Nông nghiệp trước kia được coi là thụ động, nay được nhìn nhận đóng vai trò tích cực hơn trong phát triển kinh tế. Vai trò của nông nghiệp là ở chỗ: Cung cấp lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp, cung cấp lao động cho phát triển nông nghiệp, xuất khẩu nông sản, tích lũy vốn cho phát triển, tạo thị trường nội địa cho sản phẩm công nghiệp.

2.1.4, Thập niên 1970s

2.1.4.1, Khái niệm về thuyết Kuznets:



Giả thiết hình chữ U ngược của Kuznets (1955) có lẽ là nghiên cứu đầu tiên xem xét mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Cũng là lý thuyết về bất bình đẳng giữa đô thị và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa. Giả thuyết này cho rằng:

- Ở mức thu nhập bình quân đầu người thấp, bất bình đẳng thu nhập tăng cùng với sự gia tăng của thu nhập bình quân đầu người và chỉ giảm trong giai đoạn phát triển sau của quá trình công cuộc công nghiệp hóa – tạo ra một mối liên kết hình chữ U ngược giữa thu nhập bình quân đầu người và bất bình đẳng thu nhập – dựa trên một mô hình trong đó các cá nhân di cư từ khu vực nông thôn có mức lương thấp và bất bình đẳng thu nhập thấp đến khu vực đô thị được đặc trưng bởi bất bình đẳng thu nhập cao và thu nhập trung bình cao.

Theo Kuznets, bất bình đẳng sẽ tăng cùng với tăng trưởng trong giai đoạn đầu của sự phát triển, do một lượng di chuyển lớn của những người làm trong lĩnh vực nông nghiệp với thu nhập thấp sang lĩnh vực công nghiệp với thu nhập cao hơn, nhưng phân phối không công bằng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn sau của sự phát triển, khi một số lượng lớn dân số đã chuyển sang khu vực đô thị, sẽ có một sự gia tăng tiền lương tương đối của những người lao động nghèo ở cả thành thị và nông thôn. Sẽ có nhiều giải pháp chính sách được thực hiện để giảm bất bình đẳng trong nội bộ ngành và giữa các ngành. Do vậy, bất bình đẳng thu nhập chung trong nền kinh tế sẽ giảm trong giai đoạn sau của sự phát triển. Khi công nghiệp hóa thành công, tích lũy của nhà nước và nhân dân cho phép bù đắp những thiệt hại trước đây, xã hội dần trở lại công bằng.

Một hàm ý chính sách rút ra từ lý thuyết của Kuznets là: nếu trong giai đoạn đầu tăng trưởng dẫn đến bất bình đẳng hơn, thì giảm nghèo sẽ mất nhiều thời gian hơn ở các nước đang phát triển.

2.1.4.2, Ưu nhược điểm của lý thuyết

a, Ưu điểm :

Đánh giá được mối quan hệ giữa bất bình đẳng giữa nông thôn, thành thị.

b, Nhược điểm :

Nhìn chung các phân tích này bỏ qua các biến số về văn hoá, lịch sử và chính trị. Phần lớn những nước kém phát triển có trình độ phát triển trung bình cùng với tình trạng bất bình đẳng cao được tìm thấy ở châu Mỹ Latinh.

Lý thuyết này chỉ áp dụng và đúng cho một vài nước chứ không phải tất cả .

2.1.6.1. Lí thuyết của J.Mellor về phát triển nông nghiệp

- 1995, J Mellor công bố bài viết về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế, đề xuất chiến lược tăng trưởng dựa trên nông nghiệp và mở rộng việc làm, bao gồm các luận điểm sau:

- + Nông nghiệp, nông thôn phải được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược tăng trưởng
- + Nguyên tắc cơ bản là chuyển từ đối tượng, sang liên thông giữa nông nghiệp và công nghiệp
- + Tăng trưởng nông nghiệp phải dựa trên tiên bộ KHKT
- + Tạo ra các tổ chức của nông dân ở nông thôn để tăng trưởng hiệu quả kinh tế xã hội.
- + Cần tạo ra nhu cầu nội địa để tăng trưởng mạnh mẽ cho sản phẩm nông nghiệp, vượt qua độ co giãn thấp theo nhu cầu của nông sản
- + Tập trung phát triển các ngành Công nghiệp và Dịch vụ, đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn
- + Áp dụng cơ chế thị trường, thương mại tự do
- + Tăng năng suất trong nông nghiệp, việc đầu tư vào công nghiệp và sự dịch chuyển lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp – với sự hỗ trợ bổ sung lớn từ các nhà tài trợ nước ngoài. Đây là một công thức cho tăng trưởng thành công trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường được toàn cầu hóa

2.1.6.2. Ưu nhược điểm của lý thuyết

a, Ưu điểm

- Đánh dấu sự tăng trưởng thành công trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường được toàn cầu hóa.

-Ngành nông nghiệp có nhiều loại cây trồng hoặc công nghệ mới để sản xuất các cây trồng hiện tại

- Tăng cường cán cân thương mại xuất nhập khẩu, sức tiêu thụ của các sản phẩm nông nghiệp cao hơn khi có môi trường thương mại thế giới

b. Nhược điểm

- Hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp còn thấp. Còn nhiều tiềm năng cho sự gia tăng đầu tư nước ngoài vào công nghiệp cũng như các ngành khác. - - Cung lao động từ ngành nông nghiệp và nông thôn cho các ngành công nghiệp/dịch vụ và khu vực thành thị dường như vẫn còn có độ co giãn cao, cho thấy vẫn còn có sự dư thừa lao động nông thôn trong các ngành nghề có năng suất thấp hoặc làm

Câu 3:

Câu 3 XONG: Kinh nghiệm các nước trên thế giới: Thái lan, malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, liên hệ VN

❑ **Mô hình của Hàn Quốc**

Quan điểm, chính sách của Nhà nước đối với NN-NT-ND:

Ở Hàn Quốc, Nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển khu vực NT, ND. Thông qua các chính sách về tài chính, các chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế các hội.

Để phát triển khu vực NN-NT, Chính phủ tăng ngân sách hỗ trợ cho phong trào xây dựng làm mới. VD trong thời kỳ 1970-1973, ưu tiên hỗ trợ cơ sở hạ tầng nông thôn, nhưng từ năm 1974 chuyển sang ưu tiên các dự án tăng thu nhập của người nồn dân thông qua việc tiếp cận thị trường, phát triển cơ sở nguyên liệu như trồng trọt, chăn nuôi. Chính phủ phân loại làng thành làng kém phát triển, đang phát triển và đã phát triển để hỗ trợ và theo nguyên tắc hỗ trợ trước tiên cho làng nào khá hơn và kích thích tinh thần thi đua giữa các làng xã.

Nền tảng của tổ chức phát triển nông thôn ở cơ sở là Ủy ban phát triển nông thôn của nông dân ở mỗi làng. Các UB này có trách nhiệm lựa chọn các dự án phát triển. Bước đầu là các công trình, kết cấu hạ tầng, sau là các dự án phát triển KTXH khác.

Giai đoạn 2 của chương trình làm mới là giai đoạn nâng cao thu nhập của nông dân. Các làng xã chỉ được tham gia dự án này sau khi đã hoàn thành dự án ở giai đoạn trước.

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân là trọng tâm cho sự phát triển, chuyển giao cây trồng, xây dựng vùng chuyên canh, phát triển chăn nuôi, thúc đẩy hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, khuyến khích công nghiệp vừa và nhỏ.

❑ **Mô hình Thái Lan**

Để thúc đẩy sự phát triển bền vững nền nông nghiệp, Thái Lan đã áp dụng một số chiến lược như: Tăng cường vai trò của cá nhân và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ của từng cá nhân và tập thể bằng cách mở các lớp học và các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; tăng cường công tác bảo hiểm xã hội cho nông dân, giải quyết tốt vấn đề nợ trong nông nghiệp; giảm nguy cơ rủi ro và thiết lập hệ thống bảo hiểm rủi ro cho nông dân.

Đối với các sản phẩm nông nghiệp, Nhà nước đã hỗ trợ để tăng sức cạnh tranh với các hình thức, như tổ chức hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp, đẩy mạnh công tác tiếp thị; phân bổ khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách khoa học và hợp lý, từ đó góp phần ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi và kịp thời phục hồi những khu vực mà tài nguyên đã bị suy thoái; giải quyết những mâu thuẫn có liên quan đến việc sử dụng tài nguyên lâm, thủy hải sản, đất đai, đa dạng sinh học, phân bổ đất canh tác. Trong xây dựng kết cấu hạ tầng, Nhà nước đã có chiến lược trong xây dựng và phân bổ hợp lý các công trình thủy lợi lớn phục vụ cho nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới tiêu cho hầu hết đất canh tác trên toàn quốc, góp phần nâng cao năng suất lúa và các loại cây trồng khác trong sản xuất nông nghiệp. Chương trình điện khí hóa nông thôn với việc xây dựng các trạm thủy điện vừa và nhỏ được triển khai rộng khắp cả nước...

Thái Lan đã tập trung phát triển các ngành mũi nhọn như sản xuất hàng nông nghiệp, thủy, hải sản phục vụ xuất khẩu, thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp chế biến nông sản cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nhất là các nước công nghiệp phát triển. Kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp, nông thôn Thái Lan cho thấy, những ý tưởng sáng tạo, khâu đột phá và sự trợ giúp hiệu quả của Nhà nước trên cơ sở phát huy tính tự chủ, năng động, trách nhiệm của người dân để phát triển khu vực này, có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng đối với việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công nông nghiệp - tạo nền tảng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thái Lan hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và internet của vạn vật kết nối cho nền nông nghiệp 4.0 trong cuộc cách mạng lần thứ tư (công nghiệp 4.0). Thái Lan cũng có các mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ.

❑ **Mô hình Malayxia**

Quan điểm và chính sách của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân

Tại Malaysia, chính phủ chủ trương thúc đẩy sự phát triển của khu vực nông thôn, và thu hẹp chênh lệch kinh tế giữa thành thị và nông thôn, tăng cường khả năng tiếp cận của các tổ chức cộng đồng ở nông thôn đối với các cơ hội kinh tế; nâng cao khả năng tiếp cận tốt hơn của cộng đồng nông thôn với công nghệ thông tin, công nghệ mới và cải tiến kỹ thuật canh tác.

Mở rộng và tăng cơ hội tín dụng cho các hoạt động thương mại và dịch vụ ở nông thôn; cải thiện chất lượng sống của người dân nông thôn thông qua phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội.

Chính phủ tập trung hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục, đào tạo kỹ năng và kinh nghiệm canh tác, qua đó giúp người nông dân thay đổi nếp tư duy, nếp nghĩ trong kinh doanh nông nghiệp.

Mặt khác, chính phủ cũng phát triển các hình thức đào tạo nghề cho người dân ở khu vực nông thôn, nhằm giúp họ có thể làm việc trong các ngành nghề phi nông nghiệp, có thể tham gia phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn cũng như thành thị.

Chính phủ cũng chủ trương đa dạng hóa nông nghiệp, đồng thời tập trung vào phát triển các loại cây trồng có nhiều tiềm năng như dầu cọ, cao su, hồ tiêu; chính phủ chú trọng khuyến khích khu vực tư nhân cũng như của các hiệp hội và các hợp tác xã của người nông dân tham gia SXKD.

Tình hình phát triển nông thôn Malaysia:

Malaysia có diện tích canh tác bình quân đầu người đạt 2791m² Cũng như phần lớn các nước đang phát triển, Malaysia tiến hành công nghiệp hóa bắt đầu từ nông nghiệp.

Malaysia phát triển NN không phải lấy lương thực làm trọng tâm mà họ tập trung đầu tư vào khai thác các thế mạnh truyền thống là cây cao su, cây dầu cọ (chiếm 75% dầu cọ và 62% lượng cao su tiêu dùng trên TG). Trong khi đó, sản lượng gạo chỉ đạt 1,6 triệu tấn, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu trong nước.

Cho đến nay Malaysia đã trải qua các thời kỳ khôi phục và ổn định (1957-1970), thời kỳ tăng trưởng trong mối quan hệ với công bằng (1970-1991), thời kỳ phát triển cho tương lai (1991-nay). Trong mỗi thời kỳ, Malaysia đều quan tâm thỏa đáng tới nông nghiệp và phát triển hàng hóa.

Chiến lược phát triển nông nghiệp là hướng về xuất khẩu, khai thác các thế mạnh và tích cực thu hút đầu tư nước ngoài.

Để thúc đẩy phát triển hàng hóa nông thôn, chính phủ đã tăng cường đầu tư cho nông nghiệp xây dựng đường xá, hệ thống thủy lợi, hệ thống giáo dục y tế, hệ thống thông tin liên lạc, ngoài ra là các chính sách hỗ trợ tài chính khác.

Đánh giá:

Ý nghĩa thực tiễn: các quan điểm và các chính sách của chính phủ và nhà nước Malaysia đã có tác động mạnh mẽ tới khu vực NN-NT-ND. Trong một thời gian ngắn, NN-NT-ND Malaysia đã bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa NN-NT, đời sống của người dân được nâng cao.

Ý nghĩa lý luận: Mô hình phát triển NN-NT-ND của Malaysia vẫn là mô hình hướng tới kinh tế thị trường và hướng ngoại, nhằm khai thác các lợi thế so sánh. Bên cạnh đó là sự hỗ trợ tích cực từ phía chính phủ. Nền NN phát triển theo mô hình kinh tế đồn điền, kinh tế trang trại và thuê mướn lao động.

❑ **Mô hình Trung Quốc**

Quan điểm và chính sách của Trung Quốc đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Mô hình phát triển NN – ND của Trung Quốc trước cải cách và mở cửa (12/1978) là mô hình “nhất đại nhị công”. Đó là tư tưởng chi phối trong cách mạng XHCN ở TQ.

Với quan điểm cải cách và mở cửa kinh tế của ĐCS Trung Quốc thì nông nghiệp là một trong những đột phá của công cuộc cải cách.

Đến hội nghị TW 3(Khóa XV – 1998), trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cải cách kinh tế nông thôn TQ. Hội nghị đã đề ra chính sách cơ bản đối với nông thôn là phải kiên trì, ổn định, lâu dài.

❑ Chế độ kinh tế cơ bản, lấy chế độ công hữu làm trung tâm, kinh tế các loại chế độ sở hữu khác cùng phát triển

❑ Chế độ kinh doanh, lấy kinh doanh khoán hộ gia đình làm cơ sở, kết hợp kinh doanh thống nhất với kinh doanh phân tán.

❑ Chế độ phân phối lấy thu nhập theo lao động là chính và kết hợp với phân phối theo yếu tố sản xuất.

Yêu cầu trên cơ sở này theo yêu cầu xây dựng thể chế KTTT XHCN đi sâu vào cải cách nông thôn từ đó hình thành lý luận cơ bản và chính sách cơ bản cải cách nông thôn TQ

Cải cách thể chế lưu thông nông sản cũng là một bộ phận tố thành quan trọng của cải cách nông thôn ở TQ với nội dung cơ bản là tự do hóa thị trường và giá cả do thị trường cung cầu xác định.

Xây dựng xí nghiệp Hương Trăn cũng là một nét đặc sắc nữa trong cải cách NN- NT TQ. Ngày nay xí nghiệp Hương Trăn đã trở thành một chủ thể của kinh tế nông thôn, và cũng là một trụ cột của nền KTQD TQ. Sự phát triển của xí nghiệp Hương Trăn cũng góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa nông thôn, đô thị hóa nông thôn.

Các kì đại hội sau của ĐCS Trung Quốc đều nhấn mạnh tăng cường địa vị nền tảng của nông nghiệp, tăng cường sức phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn. ĐCS Trung Quốc yêu cầu việc giải quyết tốt vấn đề tam nông, phải đi vào con đường hiện đại hiện đại hóa nông nghiệp mang màu sắc TQ, sáng tạo cách làm tam nông mới. Tăng cường xây dựng cơ bản nông thôn, nâng cao năng lực sản xuất tổng hợp nông nghiệp, khai rộng luồng mạch tăng thu nhập cho nông dân ra sức giải quyết vấn đề dân sinh nông thôn thúc đẩy vững chắc việc xây dựng nông thôn mới XHCN

Tình hình phát triển nông thôn Trung Quốc

Là nước sản xuất nông nghiệp lớn nhất trên thế giới, Trung Quốc có 300 triệu nông dân với các loại hoa màu chủ yếu là lúa, khoai tây, kê, ngũ cốc, chè, thuốc lá...

1/5 sản lượng ngô toàn thế giới và 1/4 sản lượng khoai thế giới có xuất xứ từ Trung Quốc. Hàng năm, Trung Quốc sản xuất gần 30 triệu tấn trứng, chiếm 1/2 sản lượng trứng thế giới. Đáng chú ý, chỉ 10% diện tích đất của Trung Quốc được dành cho nông nghiệp và diện tích này ngày càng co hẹp do quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá và hình thành sa mạc. Nhưng nó cung cấp lương thực cho 20% dân số thế giới

Tuy nhiên, ngành nông nghiệp Trung Quốc không phát triển bền vững: Trung Quốc dẫn đầu danh sách về việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu và hậu quả là đất ở tình trạng ô nhiễm đáng báo động và gây thiệt hại cho môi trường. Cũng giống như ngành sản xuất công nghiệp, ngành nông nghiệp của Trung Quốc cần phải được hiện đại hoá và chuyển hướng sang phát triển bền vững.

Đánh giá

Công cuộc cải cách, mở cửa kinh tế ở TQ đã làm cho khu vực NN- NT có sự khởi sắc mạnh và thu được những thành tựu quan trọng:

- ☑ Giải quyết được vấn đề lương thực thực phẩm cho 1,3 tỷ người.
- ☑ Đa số nông dân TQ đã thoát khỏi nghèo đói, một số tương đối nông dân đã có cuộc sống khá giả, giàu có

Công cuộc cải cách mở kinh tế TQ đã giành được những thành tựu to lớn. Chính phủ khu vực NN-ND-NT đã đột phá khâu của công cuộc cải cách, mở cửa. Mở đầu cho đổi mới mô hình phát triển kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VN:

- 1, hoàn thiện thể chế cho pt nn,nd,nt
- 2, pt theo hướng bền vững
- 3,xóa đói giảm nghèo ở nông thôn
- 4, Dân chủ hóa nông thôn
- 5, Phát triển làng nghề truyền thống

Câu 4: Thành tựu- nguyên nhân thành tựu

1, Trong nông nghiệp

Nông nghiệp Việt Nam được ghi nhận có sự tiến bộ vượt bậc. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu hàng đầu các mặt hàng nông sản, lương thực và nằm trong nhóm 5 nước xuất khẩu lớn nhất.

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp liên tục tăng. Trong 30 năm đổi mới (1986 - 2016), nông nghiệp Việt Nam đạt được mức tăng trưởng nhanh và ổn định trong một thời gian dài. Giá trị sản xuất nông nghiệp của Việt Nam tăng trưởng trung bình với tốc độ 4,06%/năm giai đoạn (1986 - 2015).Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 3,13%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra (2,6 - 3%).

Thứ hai, tái cơ cấu nông nghiệp đã đạt được thành công bước đầu. Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp được triển khai trên cơ sở phát huy lợi thế của cả nước và mỗi địa phương gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Sau 3 năm thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Ngành trồng trọt giá trị tăng 3% (2013) và 3,2% (2014). Ngành chăn nuôi đã chuyển từ hình thức nhỏ, lẻ, phân tán sang hình thức trang trại, gia trại. Ngành thủy sản đã chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng.

Thứ ba, Xây dựng mô hình sản xuất và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mà nhiều địa phương đang thực hiện, mô hình liên kết giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nông dân với hộ nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp và hợp tác xã. Ví dụ: Tính trên diện rộng, Lâm

Đồng là địa phương phát triển nông nghiệp công nghệ cao “đáng nể” nhất, cả về diện tích lẫn giá trị sản xuất.

Thứ tư, Nông sản là một trong những ngành xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, đóng góp tích cực vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước. Hạt tiêu là mặt hàng có sự tăng trưởng vượt bậc và đây cũng là loại cây mang lại lợi nhuận cao nhất cho nông dân. Theo các chuyên gia dự báo, tiềm năng để mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng giá trị xuất khẩu (>1,5 tỷ USD) trong thời gian tới rất lớn. Gạo cũng là mặt hàng nông sản truyền thống và đang đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu. Cà phê là sản phẩm trên thế giới có nhu cầu tăng cao nên khả năng mở rộng thị trường và tăng giá trị xuất khẩu đối với mặt hàng này trong thời gian tới vẫn duy trì ổn định. Một mặt hàng nông sản được xếp vào nhóm hàng xuất khẩu chủ lực là rau quả. Với tốc độ tăng trưởng cao (năm 2016 tăng 22.4% so với 2015) và Việt Nam vẫn đang đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này.

2, Sự chuyển biến của nông thôn

Thứ nhất, chương trình xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong cả nước, nhờ đó nhiều vùng nông thôn đã đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã tăng. Năm 2015 đã có khoảng 1.500 xã và 9 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Thứ hai, Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội trong nông nghiệp, nông thôn đã từng bước mở rộng và nâng cấp: Hệ thống thủy lợi, đề điều tiếp tục được nâng cấp, đầu tư. Hệ thống giao thông trong nông thôn từng bước được xây dựng đồng bộ, hình thành kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc xây dựng nền nông nghiệp bền vững, như hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, hệ thống thông tin, hệ thống cơ sở giáo dục và y tế.

Nguyên nhân của thành tựu: Tự nghĩ

Hạn chế:

Một là, cải cách đất đai và quyền sử dụng đất: Luật Đất đai năm 2013 ban hành nhằm tăng cường sự phát triển của thị trường đất đai, duy trì thời hạn quyền sử dụng đất, diện tích đất cho mỗi hộ gia đình, sự lựa chọn các loại cây trồng, chuyển giao và trao đổi đất. Những quy định này nhằm bảo đảm bình đẳng về tiếp cận đất đai giữa những người dân nông thôn, nhưng dẫn đến hạn chế khả năng tích tụ đất đai và gây trở ngại cho đầu tư dài hạn.

Khả năng tích tụ và tập trung ruộng đất của nông dân thấp dẫn đến mức lợi nhuận thu được từ những mảnh ruộng nhỏ không đủ để bảo đảm chi tiêu trong cuộc sống của người nông dân. Nhiều nông dân vì làm nông nghiệp không hiệu quả, đã phải kiếm thêm thu nhập bằng các hoạt động phi nông nghiệp phi chính thức. Nhưng nghịch lý là họ vẫn

muốn giữ đất như một sự bảo hiểm rủi ro vì ở nông thôn thiếu hệ thống an sinh xã hội. Trong khi đó, với nguồn tích lũy hạn chế và thiếu hỗ trợ tín dụng nên sẽ khó khăn cho các nông dân giỏi, có nhiều tâm huyết, có đủ khả năng mua hoặc thuê lại đất của các nông dân khác. Kết quả là, nhiều đất nông nghiệp, đặc biệt tại khu vực ven đô hoặc đất rừng được các nhà đầu tư thành thị mua hoặc thuê để đầu cơ, sử dụng kém hiệu quả hoặc hoạt động theo hình thức phát canh thu tô.

Chính sách giao đất bình quân khiến đất nông nghiệp trở nên manh mún. Diện tích quy mô trang trại của hộ gia đình nông nghiệp Việt Nam vào loại nhỏ nhất ở Đông Nam Á và trên thế giới, khó có thể cơ giới hóa, hiện đại hóa và tiến hành thực hiện nền sản xuất lớn. Thêm nữa, do số lao động rút khỏi ngành nông nghiệp không đủ lớn để làm giảm số lượng lao động nông nghiệp trên diện tích đất đai cùng với việc chuyển diện tích lớn đất nông nghiệp sang sử dụng với mục đích khác dẫn đến quy mô đất nông nghiệp bình quân đầu người tiếp tục giảm (Hiện chỉ còn ít cơ sở sản xuất nông nghiệp có quy mô từ 3 - 5 ha trở lên, mà đa phần là các hộ gia đình có quy mô diện tích dưới 1 ha). Trong khi, sức ép về việc làm cho lao động nông thôn ngày một tăng. Do dân số tăng, hằng năm Việt Nam có thêm ít nhất 1,4 - 1,6 triệu người đến tuổi lao động được bổ sung vào lực lượng lao động, trong đó 0,9 triệu lao động tăng thêm ở khu vực nông nghiệp và nông thôn. Điều này tạo ra sức ép lớn về việc làm và dòng người di cư từ nông thôn vào thành thị.

Vì vậy, cần phải xây dựng chính sách để người dân coi đất đai là tài sản của mình, phải cải cách đất đai để nông dân tích tụ được đất đai với quy mô lớn. Có như vậy, nông nghiệp mới có thể sử dụng có hiệu quả khoa học công nghệ vào thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Thứ hai, khoa học công nghệ trong nông nghiệp vừa thiếu lại vừa lạc hậu. Mức độ đầu tư toàn xã hội cho nông nghiệp thấp mặc dù một số doanh nghiệp lớn đã bắt đầu chuyển sang đầu tư vào nông nghiệp, nhưng nhìn chung vẫn còn rất ít, chỉ khoảng vài phần trăm; đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp không đáng kể. Việc xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao chậm chuyển biến, chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng, tạo cơ sở vững chắc cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả bền vững, gắn theo chuỗi giá trị. Thiết bị và công nghệ chế biến sau thu hoạch còn lạc hậu, kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản chế biến còn chưa phát triển, quy mô nhỏ, tỷ lệ hao hụt, thất thoát cao. Phần lớn vật tư, thiết bị nông nghiệp dựa vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó hơn 90% số máy kéo bốn bánh và máy công tác kèm theo, máy gặt đập liên hợp phải nhập khẩu.

Đội ngũ khoa học nông nghiệp tuy đông nhưng không mạnh. Cán bộ có đủ năng lực chủ trì đề tài nghiên cứu đưa lại kết quả cao chiếm tỷ lệ thấp, còn thiếu cán bộ đầu ngành giỏi; nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ như công nghệ sinh học thiếu nhân lực trình độ cao nên chậm được triển khai; điều kiện vật chất kỹ thuật của các cơ sở nghiên cứu,

đào tạo còn lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến tình trạng đào tạo nhân lực cho khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn chưa gắn lý thuyết với thực hành, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu trên một đơn vị sản phẩm.

Thứ ba, vấn đề tiếp cận tín dụng nông nghiệp. Thị trường tài chính nông thôn bao gồm một số tổ chức, trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (VBARD) và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) có vị trí hàng đầu, đại diện cho 66% của nguồn tín dụng nông thôn. Mặc dù các ngân hàng hợp tác xã là các Quỹ tín dụng nhân dân (PCFs) và các tổ chức tài chính tư nhân khác đã được thành lập, đến nay các tổ chức này không chiếm được vai trò đáng kể về tài chính nông thôn. Thực tế này hạn chế tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng chính thức ở khu vực nông thôn và lãi suất cao. Thiếu tài sản thế chấp cũng hạn chế tiếp cận tín dụng của các hộ nông dân quy mô nhỏ. Kết quả là, một nửa số hộ gia đình nông thôn vẫn không thể tiếp cận các dịch vụ ngân hàng và tín dụng phi chính thức vẫn là nguồn tín dụng quan trọng nhất ở nông thôn.

Cho người nông dân vay tín dụng gặp nhiều bất cập, có thể dễ thấy được rủi ro cao, người nông dân sử dụng đồng vốn vay không hiệu quả gây lãng phí do nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận, liên kết với công nghệ kỹ thuật mới hay tri thức mới, nguồn ra,... để nâng cao năng suất. Nhiều hộ còn không thể trả nổi vốn vay dẫn tới nhiều hệ lụy khác.

Thứ năm, biến đổi khí hậu và tình trạng ô nhiễm đất nông nghiệp. Mức độ biến đổi khí hậu những năm gần đây xảy ra nhanh, xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long ngày càng diễn biến phức tạp. Thời tiết khí hậu nóng bức ở miền Bắc không thuận lợi cho cây lúa phát triển. Đặc biệt, dịch bệnh xảy ra đối với gia súc, gia cầm có thể lây nhiễm sang người. Việc bảo vệ, ngăn chặn ngày càng khó khăn do nảy sinh thêm những chủng loại mới; Sản xuất nông nghiệp Việt Nam trong thời gian dài đã sử dụng quá nhiều phân hóa học làm cho độ phì đất suy giảm, một khối lượng lớn về đạm, lân đã bị rửa trôi, nước bị ô nhiễm hữu cơ, hàm lượng nitrat, nitrit tăng mạnh đã làm cho môi trường nước, đất giảm chất lượng và ngày càng xấu đi. Việc sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các chất kích thích sinh trưởng một cách tùy tiện đã có dấu hiệu vượt quá giới hạn cho phép của môi trường sinh thái, dẫn đến thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước và gây hại đến sức khỏe con người.

Tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua chủ yếu dựa trên thâm dụng tài nguyên thiên nhiên. Điều này gây tác động xấu đến môi trường, làm tăng mức độ ô nhiễm và suy yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên (rừng được ven biển, tài nguyên nước ngầm ở Tây nguyên, nguồn lợi hải sản ven bờ, đa dạng sinh học...). Môi trường ở nông thôn chưa được quản lý tốt. Ô nhiễm nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp, làng nghề đang trực tiếp làm suy thoái môi trường, gây nguy hiểm cho sinh kế bền vững của người dân và cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

Vấn đề nghèo đói và chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị Việt Nam

Thứ hai, thiếu kết cấu hạ tầng ở các khu vực nông thôn. Mặc dù Việt Nam đã có những tiến bộ ấn tượng trong phát triển kết cấu hạ tầng, hiện có hơn 90% dân số nông thôn được tiếp cận với điện và hơn 98,5% tiếp cận các tuyến đường. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế nhanh đã dẫn đến tắc nghẽn nghiêm trọng về kết cấu hạ tầng. Kết cấu hạ tầng nông thôn ở Việt Nam nhìn chung vẫn lạc hậu. Hệ thống đường trục chính, đường vận tải còn thiếu. Hầu như không có đường sắt, đường cao tốc để phục vụ vận chuyển hàng nông sản xuất khẩu. Kết cấu hạ tầng mới thường nằm trong các khu vực đô thị để kết nối các thành phố lớn, sân bay, cảng biển, khu công nghiệp, trong khi kết cấu hạ tầng nông thôn thường là trong điều kiện nghèo nàn và không được bảo dưỡng đúng mức. Việc thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng của chính quyền địa phương triển khai chậm, dẫn đến cạnh tranh giữa các địa phương, cản trở sự phát triển toàn diện về kết cấu hạ tầng và kết quả là các dự án kết cấu hạ tầng bị phân tán, không được sử dụng tối ưu với tỷ lệ sử dụng thấp.

Sự phát triển của nông nghiệp có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại và thiếu tính bền vững; nông thôn đang có chiều hướng tụt hậu; đời sống của nông dân nhìn chung còn thấp, ở nhiều vùng chậm được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc

Nguyên nhân những vấn đề nêu trên: Một là, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp chưa rõ ràng, thiếu tính đột phá. Hai là, môi trường kinh doanh nông nghiệp không hấp dẫn. Ba là, đầu tư từ ngân sách nhà nước và các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Bốn là, công tác quy hoạch kết cấu hạ tầng cho các vùng sản xuất nông nghiệp chưa đầy đủ

Giải pháp

- Quy hoạch sản xuất tổng thể trên toàn quốc và cung cấp đầy đủ thông tin cho nông dân.

Sản xuất nông nghiệp luôn xảy ra tình trạng tự phát, làm theo phong trào; chưa giải quyết xong hậu quả dư thừa do phát triển quá mức lại lo thiếu nguyên liệu vào vụ tới. Nguyên nhân chính là do nông dân thiếu thông tin.

Và để khắc phục tình trạng này, xin đề xuất:

- + Giao cho một cơ quan chuyên nghiên cứu, tổng hợp để dự báo nhu cầu, giá cả sản phẩm thị trường trong và ngoài nước theo từng thời điểm cụ thể.
- + Cần có quy hoạch tổng thể quy mô quốc gia về mỗi loại hàng nông, lâm, thủy sản phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu..., chỉ rõ loại cây trồng, vật nuôi, số lượng, quy mô diện tích... ở từng khu vực cụ thể, đặc biệt đối với một số cây trồng có thể mạnh như lúa, cà phê...

+ Diện tích đã được quy hoạch để canh tác các loại cây trồng nông nghiệp quan trọng phục vụ an ninh lương thực (như lúa...) phải được giao cho Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý.

+ Lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp thấp, vì vậy nông dân cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa để sản xuất các mặt hàng chiến lược (như lúa, nuôi trồng thủy sản...) trên nguyên tắc nông dân phải làm đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường.

- Xây dựng cơ chế, tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa các “nhà”, đặc biệt là giữa nhà nông và doanh nghiệp, các thương lái.

Trong những năm gần đây, tình trạng doanh nghiệp hoặc nông dân phá hợp đồng xảy ra thường xuyên. Khi giá cả thị trường xuống, doanh nghiệp bỏ nông dân; khi giá thị trường lên, nông dân giữ hàng không bán... Để khắc phục tình trạng này cần có sự hợp tác chặt chẽ của nông dân và doanh nghiệp. Do vậy giải pháp đặt ra đó là :

- các hộ nông dân sản xuất trong khu vực phải thay đổi phương thức sản xuất theo hướng hợp tác tự nguyện (câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã), cử ra ban đại diện để làm việc với doanh nghiệp.

- Trước mỗi vụ thu hoạch, ban quản lý tổ hợp tác cùng với nông dân tính toán chi phí, giá thành sản xuất để làm việc với doanh nghiệp thu mua trên địa bàn.

- Bản thân doanh nghiệp cũng sẽ tính toán chi phí, giá thành để cùng thống nhất với nông dân, cùng phân chia lợi nhuận.

Tăng cường hỗ trợ cho nông dân thông qua các chương trình khuyến nông: Khuyến nông đóng vai trò quan trọng giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp thông qua việc tập huấn, tuyên truyền phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình trình diễn cho nông dân học tập.

Câu 5: Quan điểm giải pháp

5 quan điểm giải pháp phát triển nn nd nt :

1, pt nn toàn diện hiện đại theo hướng hiệu quả bền vững, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng trong khu vực nn đạt bình quân 3-3,5 %/năm

2, khai thác lợi thế nền nn nhiệt đới, tập trung vào các sản phẩm có lợi thế so sánh, gt gia tăng cao và có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi gt toàn cầu. gắn sx nn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác liên kết đa dạng giữa các hộ gia đình với các tổ chức hợp tác và doanh nghiệp, để nâng cao hiệu quả sx kd và đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia.

3, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sx và quản lý. hỗ trợ ng nd ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sx nn.

4, thực hiện tốt các cs pt văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xh, nâng cao đời sống của ng dân khu vực nông thôn, làm tốt công tác nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xh, bảo vệ môi trường, xd hệ thống ctri vững mạnh hướng tới thực hiện hiệu quả chương trình nông thôn mới. phấn đấu đến 2020 , 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 90 % ng dân nông thôn được sd nước sạch, tỷ lệ che phủ rừng 40-45%.

5, nâng cao vị thế của ng nd trong quá trình xd , pt kt-xh, ng nd không những là đối tượng của cách mạng xhcn mà còn là chủ thể tích cực trong quá trình phát triển kt xh ở khu vực nn, nt.

Còn lại: Đọc slide chương 5 của thầy

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com